TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2018/DS-ST
Ngày 15 – 8 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thanh Liêm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Hữu Kim – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản và tranh chấp khác theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 882/2017/QĐXXST-DS ngày 24/11/2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số 487/2018/QĐXXST-DS ngày 19/7/2018 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T
Địa chỉ: Số A, đường L, khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T1
Địa chỉ: Số B, đường L, khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị P
Địa chỉ: Số A, đường L, khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau
Đại diện hợp pháp của bà Lê Thị P: Ông Lê Văn T**,** địa chỉ: Số A, đường L, khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2017 (có mặt)

2/ Chị Nguyễn Kiều O
Số B, đường L, khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau
Đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Kiều O: Anh Trần Thanh T1, địa chỉ: Số B, đường L, khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 17/11/2017). (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn M (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 2, khóm D, Phường 6, Tp C, tỉnh Cà Mau

4/ Ủy ban nhân dân Thành phố C
Địa chỉ: đường N, khóm 1, Phường Z, Tp C, tỉnh Cà Mau
Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố C: Ông Lý Khánh Y, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố C (theo văn bản ủy quyền số 85, ngày 27/4/2017). (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2017 và trình bày của nguyên đơn cũng là người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Phấn là ông Lê Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào khoảng năm 1976, bà Bùi Thị S, là bà ngoại của ông, cho phần đất tọa lạc tại khóm X, phường 9, thành phố C, thuộc thửa số 237, tờ bản đồ số 02 có chiều ngang là 5,2m chiều dài là 13,8m, diện tích là 71,76m^2 . Trên đất, ông có cất 01 căn nhà 02 tầng cấp 3C có chiều ngang 4m, chiều dài 4m, diện tích là 36,075m^2 và 01 căn nhà phụ cấp 4C có chiều ngang 4m, chiều dài 7,65m, diện tích là 30,6m^2, vào năm 1995, ông được Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Ngày 21/8/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông và vợ ông là bà Lê Thị P đứng tên.

Vào khoảng tháng 6 năm 2015, anh T1 xây dựng nhà trên hai mảnh đất liền kề với đất của ông, nhưng đã lấn chiếm sang phần đất của ông, theo đo đạc thực tế, có chiều ngang hướng Bắc mặt giáp với phần đất của ông là 0,66m, cạnh chiều ngang hướng Nam giáp với phần đất của ông là 0,76m, cạnh chiều dài hướng Tây giáp với đất của ông là 7,26m, cạnh chiều dài phía Đông giáp với đất của anh T1 là 7,29m, tổng diện tích là 5,2m^2 (theo bản trích đo hiện trạng do Trung tâm kỹ thuật – công nghệ - quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau ký ngày 14/6/2017), hiện trạng trên phần đất tranh chấp còn cặm 60 cây cừ tràm. Khi thợ xây nhà đóng cừ tràm trên phần đất tranh chấp để làm móng nhà cho anh T1 xong, ông mới phát hiện và có tranh chấp, lúc này anh T1 nộp đơn thưa ông đến chính quyền địa phương và đến Tòa án, nhưng anh T1 đã rút đơn kiện lại. Trên phần đất tranh chấp có đường thoát nước chung, việc đóng cừ tràm làm nhà ông luôn bị ngập nước. Nay ông yêu cầu anh Trần Thanh T1 có trách nhiệm trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm nêu trên và nhổ bỏ 60 cây cừ tràm đã đóng trên phần đất tranh chấp, hủy, điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Thanh T1. Đồng thời ông yêu cầu anh T1 bồi thường thiệt hại cho ông khoản chi phí đi lại và tiền mất thu nhập của ông và vợ ông do ông và vợ ông bị anh T1 kiện ra Tòa, ông và vợ ông phải nghỉ việc và phải bỏ tiền để đi đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất do anh Tuấn kiện vào năm 2017 với tổng số tiền là 3.000.000đ, trong đó bao gồm: Tiền mất thu nhập 06 ngày công làm phụ hồ của ông là 06 ngày x 150.000đ = 900.000đ; Tiền xe đi và về từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Cà Mau của vợ ông là 03 ngày x 500.000đ = 1.500.000đ; Tiền

công 03 ngày làm việc (do nghỉ nấu bếp ăn) của vợ ông là 03 ngày x 200.000đ = 600.000đ.

Theo lời trình bày của bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kiều O là anh Trần Thanh T1 trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau, có diện tích là 5,2m^{2,} số đo và tứ cận theo thực tế đo đạc như sau: phía Bắc giáp với phần đất của ông T có cạnh dài 0,66m, phía Nam giáp với phần đất của ông T có cạnh dài 0,76m, phía Đông giáp với đất của ông Tài có cạnh dài 7,26m, phía Tây giáp với đất của anh T1 có cạnh dài 7,29m.

Phần đất tranh chấp nằm ngay tại vị trí của thửa số 314 tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị H vào năm 2010 và thửa số 265 tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố C cấp cho ông Phạm Việt H1 và bà Nguyễn Thị Thu H2 vào năm 2002.

Nguồn gốc của hai thửa đất này là anh nhận chuyển nhượng của ông D và bà H thửa số 314 tờ bản đồ số 19 với diện tích 31,22m^2 vào ngày 11/4/2012, và nhận chuyển nhượng của ông V và bà H3 thửa số 265 tờ bản đồ số 19 có diện tích 30,00m^2 vào ngày 01/4/2015. Việc sang nhượng đã hoàn tất, ông đã làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C. Tại thời điểm sang nhượng, các bên chỉ sang nhượng diện tích đất thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không đo dạc, cắm ranh mốc trên thực địa. Vào khoảng tháng 5 năm 2015, anh tiến hành phá dỡ căn nhà cũ để xây nhà mới. Khi thợ xây nhà đào móng cặm cừ tràm để làm móng nhà mới tại vị trí giáp với đất của ông T thì phát sinh tranh chấp, tại thời điểm này, thợ đã cặm xong 60 cây cừ tràm tại vị trí đất đang tranh chấp thì ông T đứng ra tranh chấp vì cho rằng anh đã xây cất lấn chiếm sang phần đất của ông T.

Anh xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa số 314 và thửa 265 tờ bản đồ số 19 (nay là thửa số 54, 55 tờ bản đồ số 29 được đo đạc năm 2009) và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hợp pháp, không lấn chiếm đất của ông T nên anh không đồng ý tất cả yêu cầu khởi kiện của ông T đặt ra.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu về quyền sử dụng đất: Phần đất mà ông T và bà P đang quản lý, sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất ở với chiều ngang 5,2m, chiều dài là 13,8m, diện tích là 71,76m^2 , khi làm thủ tục cấp sổ đỏ có tứ cận ký giáp ranh. Thực tế ông T và bà P chỉ quản lý, sử dụng 5,07m chiều ngang. Trong khi việc cấp quyền sử dụng đất cho ông D và bà H, cho ông H1 và bà H2 đều không có sơ đồ mặt bằng hiện trạng, các

bên không đi đo đạc, cặm ranh trên thực tế, theo thực tế đo đạc, diện tích mà anh T1 quản lý, sử dụng cũng lớn hơn diện tích đã được cấp. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tài, các bên phải tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu nhổ 60 cây cừ tràm, đây là tài sản của anh T1, đang cắm trên đất của ông T nên anh T1 phải có trách nhiệm nhổ 60 cây cừ tràm theo yêu cầu của ông T. Riêng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại các khoản tổng cộng là 3.000.000đ là không hợp lý nên không chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ vào điều 255, 256, 604, 605 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc anh T1 và chị O trả cho ông Ti và bà Phấn phần đất có chiều ngang một mặt là 0,66m, một mặt là 0,76m, chiều dài một cạnh là 7,26m, một cạnh là 7,29m, diện tích là 5,2m^2 tọa lạc tại khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Buộc anh T1 nhổ 60 cây cừ tràm trên phần đất nêu trên. Các đương sự tự liên hệ đến các cơ quan chức năng để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không chấp nhận yêu cầu bồi thiệt hại các khoản là 3.000.000đ. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố C và ông Nguyễn Văn M có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và có tranh chấp khác nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu hủy, điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố C đã cấp cho ông V và bà H3 và đã cấp cho ông D và bà H, giấy đã được đăng ký thay đổi sang tên anh T1 và chị O do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xét thấy, ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có Quyết định chuyển vụ án số 14/2017/QĐ – CVA đến Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau để Tòa án Thành phố Cà Mau giải quyết theo thẩm quyền nên Tòa án Thành phố Cà Mau tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Đối với yêu cầu anh Trần Thanh T1 trả lại phần đất đã lấn chiếm tọa lạc tại khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo đo đạc thực tế có phần đất có diện tích là 5,2m^2 và có số đo, tứ cận thực tế đo đạc như sau: phía Bắc giáp với phần đất của ông T có cạnh dài 0,66m, phía Nam giáp với phần đất của ông T có cạnh dài 0,76m, phía Đông giáp với đất của ông T có cạnh dài 7,26m, phía Tây giáp với đất của anh T1 có cạnh dài 7,29m (theo bản trích đo hiện trạng do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ký ngày 14/6/2017) và yêu cầu hủy, điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V và bà H3 và cấp cho ông D và bà H, giấy đã được đăng ký thay đổi sang tên anh T1 và chị O do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xét thấy: Tại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban

nhân dân tỉnh Minh Hải cấp cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị P vào ngày 21/8/1996 thể hiện phần đất của ông T và bà P có chiều ngang 5,2m, chiều dài 13,8m, diện tích là 71,76m^2 , đồng thời tại Báo cáo số 311/BC-STNMT ngày 15/6/2018 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thể hiện: Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5901050117 ngày 21/8/1996, Phòng địa chính thị xã Cà Mau (nay là Phòng Tài nguyên và Môi Trường thành phố Cà Mau) có thực hiện xác minh, đo đạc thực tế thửa đất số 237, tờ bản đồ số 2, các hộ sử dụng đất giáp ranh liền kề đều thống nhất với ranh giới đo đạc, theo bản đồ và sổ mục kê đất đai từ năm 1999 cho đến nay, ông T và bà P chưa đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất đã được cấp giấy. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông T và bà P là hợp pháp và cho đến nay diện tích đất được cấp giấy chưa có biến động, thay đổi gì. Nhưng theo đo đạc thực tế, hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng chiều ngang hướng Bắc và hướng Nam ít hơn so với chiều ngang đã được cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai đã cấp cho ông T. Mặt khác, theo đo đạc thực tế, anh T1 cũng đang quản lý, sử dụng diện tích có các cạnh chiều ngang, chiều dài đều nhiều hơn diện tích cũng như các cạnh chiều ngang, chiều dài đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bề rộng của hẻm 157 tại thửa đất số 314 và thửa số 265 (tức là thửa số 54, 55 tờ bản đồ địa chính số 29 thành lập năm 2009) là 01m, nhưng thực tế hiện nay, bề rộng mặt hẻm 157 tại hai thửa đất này là 1,37m, tức là mặt hẻm đã mở rộng ra 0,37m, trong khi tại thời điểm anh T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại không đo đạc, cặm ranh mốc trên thực địa, vì vậy ông T yêu cầu anh T1 trả lại phần đất tranh chấp nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Theo quyết định chuyển vụ án số 14/2017/QĐ – CVA ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và yêu cầu của ông T được chấp nhận, các bên đương sự tự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp theo quy định.

[4] Đối với việc ông T yêu cầu anh T1 nhổ 60 cây cừ tràm đã cặm xuống phần đất tranh chấp, xét thấy, anh T1 đã cho thợ xây dựng cặm cừ tràm trên phần đất này trước khi xảy ra tranh chấp, hiện nay cừ tràm đã được cặm thấp hơn mặt đất, không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất, hơn nữa, phần đất tranh chấp có diện tích rất nhỏ, lại nằm giữa hai căn nhà kiên cố nên việc thi hành nhổ 60 cây cừ tràm là khó khả thi, trong khi tại phiên tòa, anh T1 xác định nếu như Tòa xử phần đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T thì anh không có yêu cầu gì về 60 cây cừ tràm này mà để ông T tự ý xử lý để sử dụng, vì vậy không chấp nhận yêu cầu nhổ 60 cây cừ tràm này của ông T.

[5] Đối với việc ông T yêu cầu anh T1 bồi thường tiền chi phí đi lại và tiền công lao động bị mất của những ngày phải nghỉ việc để đến Tòa án tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất do ông T1 kiện ông T và bà P tổng cộng các khoản là 3.000.000đ, xét thấy, việc đương sự phải đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng là quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, không phải là căn cứ

phát sinh trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005 nên không chấp nhận.

[6] Đối với việc ông T giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông M quản lý để vay nợ, xét đây là quan hệ dân sự khác, hiện nay ông M không có yêu cầu giải quyết việc này nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc trả lại tài sản là quyền sử dụng đất. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với những yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên, ông T hiện nay đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí đối với phần án phí dân sự sơ thẩm mà ông T phải chịu. Ngoài ra, anh T1 còn phải chịu chi phí đo đạc thực tế số tiền 5.380.000đ. Do ông T đã nộp tiền tạm ứng chi phí đo đạc nên anh T1 phải hoàn trả cho ông T số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 161, 162, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Toà án; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 255, 256, 604, 605 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 203 Luật đất đai;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

Buộc anh Trần Thanh T1 và chị Nguyễn Kiều O trả cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị P phần đất có diện tích là 5,2m^2 tọa lạc tại khóm X, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau, có số đo và tứ cận theo thực tế đo đạc như sau:

+ Phía Bắc giáp với phần đất của ông T có cạnh dài 0,66m.

+ Phía Nam giáp với phần đất của ông T có cạnh dài 0,76m.

+ Phía Đông giáp với đất của ông T có cạnh dài 7,26m.

+ Phía Tây giáp với đất của anh T1 có cạnh dài 7,29m.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ký ngày 14/6/2017).

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu anh Lê Thanh T1 nhổ 60 cây cừ tràm và bồi thường thiệt hại chi phí đi lại và tiền mất thu nhập tổng cộng số tiền 3.000.000đ

2/ Về chi phí và án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Thanh T1 hoàn trả tiền chi phí đo đạc cho ông Lê Văn T số tiền 5.380.000đ (Năm triệu ba trăm tám chục ngàn đồng chẵn).

Anh T1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Ông T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 632.000đ theo biên lai thu số 0002929 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự TP Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, anh Tuấn, bà P và chị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ủy ban nhân dân Thành phố C và ông M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Kim Oanh